

DỰ THẢO 1 Ngày / /2023

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử và Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 99/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (sau đây viết tắt là Nghị định 65/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư 11/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản, điều của Thông tư 11/2015/TT-BKHCN

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

2. Đối tượng áp dụng:

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 1a Nghị định 99/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp từ Điều 15 đến Điều 20 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.”.

2. Bổ sung Điều 2a như sau:

“Điều 2a. Xác định mức tiền phạt trong các trường hợp cụ thể

1. Mức phạt tiền cụ thể đối với hành vi vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020;

2. Xác định mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính trong trường hợp có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1

“Gắn trên sản phẩm bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ chỉ dẫn gây hiểu sai lệch về việc sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ như: “nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ độc quyền”, “nhãn hiệu đã được bảo hộ”, “nhãn hiệu thuộc độc quyền của...”, kể cả việc sử dụng ký hiệu chữ ® (chỉ dẫn về việc nhãn hiệu đã được bảo hộ tại Việt Nam);”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1

“b) Gắn trên sản phẩm, bao bì sản phẩm chỉ dẫn gây hiểu sai lệch về việc sản phẩm được bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp như: “sản phẩm được bảo hộ độc quyền kiểu dáng công nghiệp”, “sản phẩm, hàng hóa được bảo hộ độc quyền sáng chế”, “sản phẩm được sản xuất từ quy trình được bảo hộ sáng chế của...”, kể cả việc sử dụng ký hiệu chữ “P” hoặc “Patent” cùng các chữ số (chỉ dẫn về việc sản phẩm được bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích).

c) Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 7:

“Sử dụng đối tượng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của chủ thể khác mà không thực hiện giao dịch thông qua hợp đồng bằng văn bản.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 19 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung tại đoạn 2 và 3 điểm b khoản 1

“- “Khẩu hiệu kinh doanh” là một nhóm từ ngữ xuất hiện bên cạnh tên chủ thể kinh doanh hoặc nhãn hiệu gắn với sản phẩm của chủ thể kinh doanh nhằm nhấn mạnh mục đích hoặc tiêu chí kinh doanh của chủ thể kinh doanh hoặc đối tượng khách hàng mà sản phẩm hướng tới.

- “Biểu tượng kinh doanh” là ký hiệu, chữ viết, hình vẽ, hình khối được thiết kế một cách độc đáo và được coi là biểu tượng của chủ thể kinh doanh sử dụng trong hoạt động kinh doanh.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2

Hành vi chiếm hữu, sử dụng tên miền hoặc sử dụng tên miền:

a) Chủ sở hữu nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại đã sử dụng các đối tượng này một cách rộng rãi, ổn định trong hoạt động kinh doanh hợp pháp, được người tiêu dùng Việt Nam trong lĩnh vực liên quan biết đến uy tín, danh tiếng và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại có quyền thông báo, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi chiếm hữu, sử dụng tên miền (bao gồm tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và tên miền quốc tế mà tổ chức quốc tế phân bổ cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam);

b) Hành vi chiếm hữu, sử dụng tên miền bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu công nghiệp, (trừ tên miền đã được phân bổ thông qua hình thức đấu giá hoặc thi tuyển tài nguyên internet của Luật Viễn thông), thuộc trường hợp tên miền có dãy ký tự trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ hoặc được sử dụng rộng rãi để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, chào hàng, bán hàng hóa, dịch vụ trùng, tương tự hoặc có liên quan trên trang thông tin điện tử mà địa chỉ tên miền đó dẫn tới mà mình không có quyền sử dụng với dụng ý xấu; gây nhầm lẫn và lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng hoặc vật chất đối với chủ sở hữu nhãn hiệu, tên thương mại hoặc chỉ dẫn địa lý tương ứng nhằm thu lợi bất chính.

c) Chủ thể quyền thực hiện việc thông báo, đề nghị xử lý hành vi chiếm hữu, sử dụng tên miền bị coi là hành vi cạnh tranh không lành về sở hữu công nghiệp cung cấp các chứng cứ chứng minh sau đây:

- Chủ thể quyền đã sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại một cách rộng rãi, ổn định, được người tiêu dùng tại Việt Nam biết đến uy tín, danh tiếng của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp và hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại đó (có thể là các thông tin về quảng cáo, tiếp thị, trưng bày triển lãm; doanh thu bán hàng; số lượng sản phẩm bán ra; hệ thống đại lý phân phối, liên doanh, liên kết; quy mô đầu tư; đánh giá của các cơ quan nhà nước, phương tiện thông tin đại chúng, bình chọn của người tiêu dùng và các thông tin khác thể hiện uy tín, danh tiếng của chủ thể kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại đó).

- Đối với hành vi sử dụng tên miền bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu công nghiệp: chủ thể quyền thông báo, đề nghị xử lý phải chứng minh bên bị đề nghị xử lý đã sử dụng tên miền trên mạng Internet để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, chào hàng, bán hàng hóa, dịch vụ trùng, tương tự hoặc có liên quan, làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng hoặc vật chất đối với chủ sở hữu nhãn hiệu, tên thương mại hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ; và bên bị yêu cầu xử lý tiếp tục sử dụng nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý gây nhầm lẫn thông qua tên miền đó mặc dù đã được chủ sở hữu nhãn hiệu, tên thương mại hoặc chỉ dẫn địa lý thông báo yêu cầu chấm dứt sử dụng.

- Bên bị đề nghị xử lý không có quyền và lợi ích hợp pháp đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại đã được bảo hộ của chủ thể quyền.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 23 như sau

“Tài liệu chứng minh chủ sở hữu tên thương mại là các tài liệu, hiện vật chứng minh việc sử dụng trước và hợp pháp tên thương mại trong lĩnh vực kinh doanh và khu vực kinh doanh đáp ứng các điều kiện bảo hộ quy định tại các điều 76, 77 và 78 của Luật Sở hữu trí tuệ; tài liệu chứng minh người khác sử dụng trên thực tế các dấu hiệu trùng, tương tự trong lĩnh vực kinh doanh xâm phạm quyền với tên thương mại của chủ sở hữu.”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ cụm từ, điểm, khoản, điều quy định tại Thông tư 11/2015/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung như sau

1. Bãi bỏ quy định tại các điều 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17 và điều 29.

2. Thay thế các cụm từ: “Nghị định 99/2013/NĐ-CP” thành “Nghị định 99/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung” tại các điều 7, 8, 9, 16, 18, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28 và điều 30; “trung cầu giám định” thành cụm từ “yêu cầu giám định” tại điểm a khoản 1 Điều 9; “Điều 24 Nghị định 105/2006/NĐ-CP sửa đổi” thành cụm từ “Điều 91 Nghị định 65/2023/NĐ-CP”.

3. Bỏ cụm từ “và được hạch toán vào chi phí sản xuất theo quy định tại Nghị định 103/2006/NĐ-CP sửa đổi” cuối tại khoản 2 Điều 30.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp xảy ra trước ngày tháng năm 2023 và đang trong quá trình giải quyết thì áp dụng Nghị định số 99/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và Thông tư 11/2015/TT-BKHCN để giải quyết.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp xảy ra trước ban hành Thông tư này mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết, được áp dụng các quy định của Nghị định số 99/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung và Thông tư này để xử lý nếu có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của pháp có hiệu lực thi hành tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để giải quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (*để b/c*);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (*để b/c*);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Sở Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (*Bộ Tư pháp*);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Thanh tra Bộ, Cục SHTT, Viện KHSHTT, Vụ PC;
- Lưu: VT, TTra.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Thế Duy